

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **252/2025/DS - ST**

Ngày: 29/5/2025

V/v tranh chấp về hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa.
2. Ông Huỳnh Hồng Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 718/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2025/QĐST – DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M.

Địa chỉ: Tầng B, H C, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D; địa chỉ liên hệ: Tầng A, số A Đường số A, Khu đô thị V, Phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 0512025/POA ngày 10/4/2025).

(Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 2 Hậu Giang, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2024 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/07/2015, Ông **Nguyễn Chí T** và **Công ty TNHH Một thành viên T1** (nay đổi tên thành **Công ty T2**) (sau đây gọi tắt là “SVFC”) có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10705714 (gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”).

Thông tin chi tiết của khoản vay như sau:

- Số tiền cho vay: 94.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng.
- Ngày rút vốn: 29/07/2015.
- Thời hạn vay: 48 tháng.
- Lãi suất: 32%/năm.
- Lãi phạt: Bằng 150% của lãi suất.
- Nợ gốc và nợ lãi được trả thành: 48 kỳ.
- Phương thức vay: Tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Ngày 09/9/2022, SVFC ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là VID). Theo thỏa thuận, SVFC đã chuyển nhượng cho VID nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10705714 của bị đơn. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, VID có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ông **Nguyễn Chí T** đã thanh toán 55.931.700 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 20.906.600 đồng và nợ lãi trong hạn là 35.025.100 đồng. Đến ngày 05/12/2016 thì ông **T** ngừng thanh toán và toàn bộ dư nợ được chuyển sang dư nợ quá hạn. Từ thời điểm ông **T** ngừng thanh toán và cả sau khi khoản nợ của ông **T** đã được chuyển nhượng sang VID, mặc dù VID đã thông báo, đôn đốc, yêu cầu ông **T** trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại Hợp đồng tín dụng, nhưng đến thời điểm hiện nay ông **T** thể hiện việc thiếu hợp tác trong quá trình làm việc, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty TNHH M, Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu ông **T** trả số tiền tạm tính đến hết ngày 22/8/2024 là 200.000.000 đồng, gồm:

- + Nợ gốc: 76.061.400 đồng.
- + Lãi trong hạn: 66.934.032 đồng.
- + Lãi phạt quá hạn: 57.004.568 đồng.

Bị đơn, ông **Nguyễn Chí T** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bản trình bày ý kiến như sau: Công ty xác định tổng số tiền còn lại mà Bị đơn phải thanh toán cho VID là 242.599.045 (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi lăm) đồng, cụ thể như sau:

1. Nợ gốc: 73.093.400 đồng;
2. Nợ lãi trong hạn: 58.403.677 đồng (Là nợ lãi tính trên dư nợ gốc trong hạn theo lãi suất cho vay tính từ ngày 05/12/2016 đến ngày 05/7/2019):
$$= \text{Dư nợ gốc} \times (32\%/12) \times 31 \text{ kỳ} = 73.093.400 \text{ đồng} \times (32\%/12) \times 31 = 60.423.877 \text{ đồng};$$

Tuy nhiên, tại kỳ thứ 17, Bị đơn không thanh toán đủ số tiền phải trả hàng tháng là 3.494.800 đồng mà chỉ thanh toán 2.020.200 đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, VID cần trừ số tiền thanh toán 2.020.200 đồng vào nợ lãi trong hạn của Bị đơn. Do đó, Nợ lãi trong hạn còn lại là: 60.423.877đ – 2.020.200đ = 58.403.677đ.

1. Nợ lãi quá hạn: 111.101.968 đồng (Tính từ kỳ tiếp theo của kỳ kết thúc hợp đồng đến thời điểm chuyển nhượng nợ, cụ thể tính từ ngày 05/8/2019 đến ngày 09/9/2022):
$$= [\text{Dư nợ gốc} \times 150\% \times (32\%/12) \times 38 \text{ kỳ}] = [73.093.400 \text{ đồng} \times 150\% \times (32\%/12) \times 38] = 111.101.968 \text{ đồng}.$$
1. Kể từ ngày 10/9/2022, ông **Nguyễn Chí T** không phải thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong, bao gồm: Lãi quá hạn và lãi chậm trả.

Công ty căn cứ vào Điều 8, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010. **Công ty TNHH M** yêu cầu: Bị đơn - ông **Nguyễn Chí T** phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho VID với tổng số tiền là: 242.599.045đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 73.093.400đ;
- Nợ lãi trong hạn: 58.403.677đ;
- Nợ lãi quá hạn: 111.101.968đ.

Bị đơn, ông Nguyễn Chí T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên

tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký nên xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng dân sự. Do đó, có cơ sở xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn: Công ty TNHH M; bị đơn: ông Nguyễn Chí T

Căn cứ theo Văn bản ủy quyền số 05/2025/POA ngày 10/4/2025 thì bà Nguyễn Thị Thùy D có đủ tư cách đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[1.3] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn trả cho Công ty TNHH M số tiền là 242.599.045 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10705714 ngày 29/7/2015, ông T có ký với Công ty TNHH Một thành viên T1 (nay đổi tên thành Công ty T2), căn cứ Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC ngày 9/9/2022 giữa: Công ty TNHH M và Công ty TNHH Một thành viên T1; lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định ông T có sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch và có phát sinh dư nợ nhưng không thanh toán.

- Số tiền ông **T** còn nợ **Công ty TNHH M** tổng số tiền là 242.599.045 đồng, gồm: Nợ gốc: 73.093.400 đồng; Nợ lãi trong hạn: 58.403.677 đồng; Nợ lãi quá hạn: 111.101.968 đồng.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Phương thức và thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện đối với nguyên đơn. Theo đó, ông **T** phải chịu án phí.

H lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH M đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH M:

- Buộc ông **Nguyễn Chí T** có nghĩa vụ trả cho **Công ty TNHH M** số tiền 242.599.045 (hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi lăm) đồng, gồm: Nợ gốc: 73.093.400 (bảy mươi ba triệu không trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm) đồng; Nợ lãi trong hạn: 58.403.677 (năm mươi tám triệu bốn trăm lẻ ba nghìn sáu trăm bảy mươi bảy) đồng; Nợ lãi quá hạn: 111.101.968 (một trăm mười một triệu một trăm lẻ một nghìn chín trăm sáu mươi tám) đồng.
- Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 12.129.952 (mười hai triệu một trăm hai mươi chín nghìn chín trăm năm mươi hai) đồng do ông Nguyễn Chí T phải chịu.

H lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002758 ngày

11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Sâm